

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 15229/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản, đựng trong túi, bảo quản ở nhiệt độ thường.

Mã số mẫu/Sample code : 9.377

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/09/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 09/09/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
FRIPPARK FRESH #1 CAR BNNPTNT29260046317	Asen (As) vô cơ (*)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012; AOAC 986.15; TCVN 8900-9:2012; TCVN 8467:2010; TCVN 11291:2016; TCVN 7604:2007)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015; AOAC 986.15; TCVN 6496:2009; TCVN 10643:2014; TCVN 8126:2009; TCVN 7602:2007; TCVN 7603:2007)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,22	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015; AOAC 986.15; TCVN 6496:2009; TCVN 10643:2014; TCVN 8126:2009; TCVN 7602:2007; TCVN 7603:2007)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012; AOAC 986.15; TCVN 8900-9:2012; TCVN 8467:2010; TCVN 11291:2016; TCVN 7604:2007)
	Aflatoxin B1 (#)(**)	µg/kg (LOD=0,500)	KPH	TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13 (Sắc ký lỏng)
	Salmonella spp. (*)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 16/09/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO/IEC 17025/ The testing laboratory has been accredited to ISO/IEC 17025 .
- Tất cả các chỉ tiêu đã được cơ quan thẩm quyền chứng nhận hoạt động/All parameters have been certified for operation by the competent authority.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025
- (**) Chỉ tiêu được cơ quan thẩm quyền chỉ định/ parameters designated by the competent authority.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation . LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This result shall not be reproduced, in whole or in part, without the written approval of the Director of Regional Center I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 15230/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản, đựng trong túi, bảo quản ở nhiệt độ thường.

Mã số mẫu/Sample code : 9.378

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/09/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 09/09/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
FRIPPARK FRESH #2 CD BNNPTNT29260046317	Asen (As) vô cơ (*)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012; AOAC 986.15; TCVN 8900-9:2012; TCVN 8467:2010; TCVN 11291:2016; TCVN 7604:2007)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015; AOAC 986.15; TCVN 6496:2009; TCVN 10643:2014; TCVN 8126:2009; TCVN 7602:2007; TCVN 7603:2007)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,33	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015; AOAC 986.15; TCVN 6496:2009; TCVN 10643:2014; TCVN 8126:2009; TCVN 7602:2007; TCVN 7603:2007)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012; AOAC 986.15; TCVN 8900-9:2012; TCVN 8467:2010; TCVN 11291:2016; TCVN 7604:2007)
	Aflatoxin B1 (#)(**)	µg/kg (LOD=0,500)	KPH	TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13 (Sắc ký lỏng)
	Salmonella spp. (*)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 16/09/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO/IEC 17025/ The testing laboratory has been accredited to ISO/IEC 17025 .
- Tất cả các chỉ tiêu đã được cơ quan thẩm quyền chứng nhận hoạt động/All parameters have been certified for operation by the competent authority.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025
- (**) Chỉ tiêu được cơ quan thẩm quyền chỉ định/ parameters designated by the competent authority.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation . LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This result shall not be reproduced, in whole or in part, without the written approval of the Director of Regional Center I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.